

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa
thủ tục hành chính lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc
thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp hướng dẫn đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ
tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND
tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1806/TTr-
SGTVT ngày 06/6/2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 695/STP-
KSTTHC ngày 30/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính lĩnh vực
Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh
Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải dự thảo báo cáo kết quả rà soát, đánh giá
thủ tục hành chính của UBND tỉnh, kèm phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải
cách thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch
UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn
vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 QĐ;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official stamp of the Provincial People's Committee (UBND tỉnh) with a signature written over it. The signature is in black ink and appears to be 'Lê Thị Thìn'. Below the stamp and signature, the name 'Lê Thị Thìn' is printed in a standard font.

Lê Thị Thìn

 Phụ lục
PHƯƠNG AN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. Thủ tục hành chính “Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa”

1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

a) Đề nghị thay thế thành phần hồ sơ: “Hồ sơ hoàn công” thành “bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu”.

Lý do:

- Hồ sơ hoàn công đã nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra (Sở GTVT hoặc Sở Xây dựng) khi thực hiện TTHC "Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng" (Theo quy định tại Điều 13, Mẫu số 02, Phụ lục V và Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BGTVT). Sở GTVT hoặc Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu. Như vậy, chỉ cần yêu cầu chủ đầu tư công trình nộp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu thay thế cho hồ sơ hoàn công.

- Việc nộp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu sẽ đảm bảo việc Hồ sơ hoàn công đã được kiểm tra bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được chấp thuận. Nếu nộp hồ sơ hoàn công thì không thể xác định được hồ sơ hoàn công này đã được kiểm tra và chấp thuận.

b) Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Biên bản nghiệm thu công trình”:

Lý do: Theo quy định tại Điều 13, Mẫu số 02, Phụ lục V và Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BGTVT thì Biên bản nghiệm thu công trình là một loại giấy tờ trong Hồ sơ hoàn công. Vì vậy, không cần thiết phải nộp thêm biên bản nghiệm thu công trình. Do đã nằm trong Hồ sơ hoàn công và nộp cho cơ quan có thẩm quyền từ khi thực hiện TTHC "Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng".

c) Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập”.

Lý do: Tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT quy định thực hiện TTHC “Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa” thì phải nộp Sơ đồ vùng nước và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập cho Sở Giao thông Vận tải.

Tuy nhiên, “Bình đồ vị trí và sơ đồ mặt bằng công trình bến, vùng nước trước bến” cũng chính là văn bản trên đã được nộp khi thực hiện TTHC “Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa”. Mà TTHC chấp thuận chủ trương thực hiện xong thì mới tiến hành thủ tục cấp phép hoạt động và 02 TTHC này đều thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông Vận tải. Vì vậy, “Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập” tổ chức, cá nhân đã nộp cho Sở Giao thông Vận tải khi thực hiện thủ tục xin “Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa” nên khi thực hiện TTHC “Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa” không cần thiết phải nộp thành phần hồ sơ trên.

2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi Điều 11 tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, cụ thể:

- Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT như sau: “Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng”;

- Bãi bỏ điểm c, điểm d Khoản 1, Điều 11; Thông tư 50/TT-BGTVT ngày 17/10/2014.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 64,13 %.

- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 49.921.875 đồng/năm.

- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.906.250 đồng/năm.

- + Tổng chi phí tiết kiệm: 32.015.625 đồng/năm.

II. Thủ tục hành chính “Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam”

1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Phương án khai thác tuyến”:

Phương án khai thác tuyến là do tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách, bao gửi, hành lý theo tuyến cố định xây dựng trước thời điểm được chấp thuận. Tuy nhiên, trên thực tế phương án khai thác tuyến rất dễ bị thay đổi hoặc thường xuyên bị thay đổi trong quá trình hoạt động so với phương án khai thác ban đầu đã nộp. Việc thay đổi phương án khai thác tuyến để phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh là hoàn toàn hợp lý và hợp pháp. Đồng thời, trên thực tế vẫn xảy

ra trường hợp Phương án đã xây dựng và tuyển trình khai thác thực tế không khớp nhau. Vì vậy, việc yêu cầu nộp phương án khai thác tuyển để phục vụ cho mục đích quản lý của cơ quan Nhà nước là không phù hợp. Trong quá trình thực hiện, qua công tác kiểm tra, giám sát để xem xét việc khai thác của tổ chức, cá nhân có đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật sẽ đảm bảo chính xác nhất và hợp lý nhất.

Vì vậy, việc xây dựng phương án khai thác tuyển hay không xây dựng là tùy vào từng điều kiện và nhu cầu của tổ chức, cá nhân khi thực hiện kinh doanh. Còn Cơ quan nhà nước không cần thiết phải quản lý quá sâu vào hoạt động và phương thức kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi Điều 5 tại Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, cụ thể:

- Bãi bỏ điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014;

- Việc bãi bỏ quy định về phương án khai thác tuyển dẫn đến phải sửa đổi điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định quy định tại Điều 6 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP. Cụ thể: Bỏ cụm từ “Phương án khai thác tuyển” tại Khoản 2, 5 Điều 6 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 45,67%

- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.590.000 đồng/năm.

- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.383.750 đồng/năm.

- + Tổng chi phí tiết kiệm: 6.206.250 đồng/năm. /.